TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 47/2023/HNGĐ-ST Ngày: 16-6-2023 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Chí Vương

Bà Phan Thị Vui

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2023/TLST-HNGĐ ngày 20/3/2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2023/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim Th, sinh năm 1994. Vắng mặt

- Bị đơn: anh Nguyễn Thế T, sinh năm 1988. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: tổ 7, ấp 1, xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại biên bản hòa giải ngày 20/3/2023, biên bản hòa giải ngày 30/3/2023, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim Th trình bày:

Chị Th và anh T, sau thời gian tìm hiểu thì tự nguyện về chung sống với nhau năm 2014 có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước, có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng đều làm tiếp thị hàng hóa nhưng anh T thường xuyên ghen tuông vô cớ, cấm cản chị Th trong việc giao tiếp với đồng nghiệp khiến hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Một mình chị Th phải lo cho gia đình, con cái, anh T chỉ góp ½ chi phí học cho con còn không phụ

giúp các chi phí khác. Từ tháng 02/2023, chị Thvà anh T đã không còn chung sống vời nhau. Chị Th cảm thấy không thể tiếp tục cuộc sống như vậy nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Th được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Ngọc Bảo Y, sinh ngày 23/11/2014 và Nguyễn Ngọc Yến L, sinh ngày 25/7/2016. Khi ly hôn, chị Thyêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ/cháu.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải ngày 20/3/2023, bị đơn anh Nguyễn Thế T trình bày:

Anh T và chị Th tự nguyện về chung sống với nhau năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước, có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Hai vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong vấn đề công việc, chị Th thường hay đi với những đồng nghiệp xấu nên anh T cấm cản khiến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị Th yêu cầu ly hôn thì anh T đồng ý.

Hai vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Ngọc Bảo Y, sinh ngày 23/11/2014 và Nguyễn Ngọc Yến L, sinh ngày 25/7/2016. Khi ly hôn, anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Hai vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai cũng không cho ai vay nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tại phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th về ly hôn, giao cho nguyên đơn và bị đơn mỗi người được trực tiếp nuôi 01 con chung; tài sản chung và nợ chung không có nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T có nơi cư trú tại xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước. Tòa án xác định đây là vụ án về ly hôn, thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Chị Th, anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt, chị Th có đơn xin vắng mặt, anh T vắng mặt không lý do. Tòa án quyết định giải quyết vắng mặt anh T, chị Th theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự,

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Th thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời trình bày của các bên, cùng giấy chứng nhận kết hôn thấy rằng: Chị Th và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước vào năm 2014. Hai vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong vấn đề công việc, anh T cấm cản chị Th trong việc tiếp xúc với đồng nghiệp khiến hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Xét thấy hiện nay chị Th và anh T đã không còn chung sống với nhau, không có sự quan tâm, chăm sóc nhau. Như vậy, mâu thuẫn giữa các bên đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên không nhất thiết phải kéo dài cuộc hôn nhân này. Chị Th yêu cầu ly hôn, tại biên bản lấy lời khai ngày 20/3/2023 anh T đồng ý ly hôn với chị Th. Đây là sự tự nguyện của các bên, cần chấp nhận.

Về con chung: Anh T, chị Th có 02 con chung tên là Nguyễn Ngọc Bảo Y, sinh ngày 23/11/2014 và Nguyễn Ngọc Yến L, sinh ngày 25/7/2016. Khi ly hôn, chị Th và anh T đều có nguyện vọng muốn được nuôi cả 02 con chung. Xét thấy, Tòa án đã yêu cầu các bên cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh điều kiện nuôi con nhưng không ai cung cấp, các bên đều thừa nhận hai vợ chồng có công việc và thu nhập như nhau. Như vậy, anh T và chị Th có điều kiện nuôi con ngang nhau. Cháu Yế có nguyện vọng muốn ở cùng với cả bố và mẹ, cháu L nhỏ hơn cần sự chăm sóc của người mẹ. Vì vậy, cần giao cháu Y cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu L cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại biên bản hòa giải ngày 20/3/2023, anh T không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con, chị Th trình bày trường hợp mỗi người nuôi 01 con thì chị Th không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí:

Nguyên đơn chị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

2.Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim Th và anh Nguyễn Thế T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 61/2014 ngày 18/12/2014 của Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước hết hiệu lực pháp luật khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Ngọc Bảo Y, sinh ngày 23/11/2014 cho anh Nguyễn Thế T trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung Nguyễn Ngọc Yến L, sinh ngày 25/7/2016 cho chị Nguyễn Thị Kim Th trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

Về tài sản chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết.

3. Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị Kim Th phải chịu án phí hôn nhân là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0014532 ngày 20/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Nơi cấp GCN kết hôn
- Lưu HS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Minh Hải